

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **02/2019/HNGĐ- ST**

Ngày: 12 – 3 – 2019

“*V/v: Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hải Long

Bà Trần Thị Ngọc Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông K' Mích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 721/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn M, sinh năm 1959

Trú tại: đường M, Phường I, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Triệu M, sinh năm 1968

Trú tại: đường M, Phường I, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng.

(*Ông M có mặt, bà M vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2018 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn M và bà Triệu M kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố D, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong suy nghĩ, tín ngưỡng tôn giáo, trong công việc nên bà M đã bỏ đi cùng các con từ năm 2013 đi đâu không rõ. Tháng 5/2018 ông M đã gửi đơn đến Tòa yêu cầu tuyên bố bà Triệu M mất tích, đến tháng 10/2018 ông M có

Quyết định của Tòa án tuyên bố bà M mất tích. Nay ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên ông M yêu cầu Tòa giải quyết cho ông M được ly hôn bà M.

Về con chung: có hai con chung Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/5/1991 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/05/1993. Hiện nay các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng bà Triệu M không đến tòa (đã tuyên bố mất tích) nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà Triệu M.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa Ông Nguyễn M và bà Triệu M là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về tín ngưỡng tôn giáo và bà M đã bỏ đi đâu không biết và đã có quyết định của Tòa tuyên bố bà M mất tích nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Các con đã trưởng nên không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M yêu cầu ly hôn bà Triệu M, nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Triệu M và ông Nguyễn M đều có đăng ký hộ khẩu tại phường I, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc Dân sự “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” số 25/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Giữa ông Nguyễn M và bà Triệu M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, phường A, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện, vào năm 1989 là hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, về tôn giáo. Đến tháng 06 năm 2013, bà Triệu M bỏ đi khỏi địa phương, Ông M đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Nên ông M đã có đơn đến Tòa yêu cầu tuyên bố bà M mất tích và đã có quyết định số 25/2018/QĐST - DS, ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà M đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2, Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Quyết định số 25/2018/QĐST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận yêu cầu của ông M xin ly hôn bà Triệu M.

[4] Về con chung: ông Nguyễn M xác định vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/5/1991, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh 05/5/1995, hiện nay các con đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn M phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2, Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn M. Cho ông Nguyễn M và bà Triệu M được ly hôn.

2. *Về án phí*: Ông Nguyễn M phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng ông M đã tạm nộp theo biên

lai thu số AA/2016/0008701 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

Ông M có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Triệu M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA thành phố D
- UBND Phường A, thành phố D
- Lưu

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Điền